TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **243**/2019/HSPT
Ngày: 11 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Trần quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quang Hiệp**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 188/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị Kim C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim C và các bị hại Phạm Thị B, Nguyễn Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Thị Kim C,** sinh ngày 07/01/1959 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Võ Thị H (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Văn D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2018; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kim C:* Ông **Lê Quang M** - Luật sư của Công ty luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người bị hại*:

1. Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1945; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1958; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 24 người bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để trả nợ và tiêu xài cá nhân, Lê Thị Kim C đã dùng thủ đoạn gian dối như: Đưa ra nhiều thông tin giả là có quen biết nhiều người nên có khả năng xin được việc làm cho người khác tại các cơ quan Nhà nước, xin vào các trường học, bệnh viện, Công an,.... Tin lời nói của C là thật nên nhiều người đã giao tiền và hồ sơ để nhờ C "chạy" việc làm. Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2014 đến tháng 5 năm 2016, Lê Thị Kim C đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 27 bị hại với tổng số tiền 2.702.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm lẻ hai triệu đồng), cụ thể:

Trường hợp 1: Vào khoảng tháng 10 năm 2014, thông qua mối quan hệ xã hội và biết thông tin Lê Thị Kim C có khả năng xin được việc làm. Ngày 03/11/2014, vợ chồng ông Hoàng Xuân T, bà Trương Thị H đến nhà C trao đổi để nhờ xin việc làm cho con là Hoàng Phương N. C nói dối sẽ xin được cho chị N vào biên chế Công an tỉnh Thừa Thiên Huế với chi phí là 180.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 90.000.000 đồng, C hẹn đến quý 1 năm 2015 sẽ có quyết định tuyển dụng và cam kết nếu xin việc không được thì sẽ trả lại tiền đặt cọc. Tin tưởng lời nói của C nên ông T và bà H đã giao số tiền 90.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc cho C, C viết biên bản thỏa thuận, cam kết rồi đưa cho ông T cất giữ.

Đến thời hạn mà chị N vẫn chưa có quyết định tuyển dụng nên ông T hỏi C, thì C hứa sẽ xin cho chị N vào làm kế toán tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là bệnh viện X cơ sở 2). Tuy nhiên, C cũng không xin được việc như đã hứa và chiếm đoạt của anh Trường số tiền 90.000.000 đồng. Hiện tại, C đã hoàn trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng nên ông T không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường dân sự.

Trường hợp 2: Bà Phạm Thị B và Lê Thị Kim C là đồng nghiệp với nhau, C biết bà B có con trai là Hồ P tốt nghiệp Đại học Luật nhưng chưa có việc làm, nên C nói dối với bà B là đang có một suất vào Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, chi phí 450.000.000 đồng, nếu muốn thì C sẽ giúp đỡ, trong vòng 01 tháng kể từ ngày giao tiền sẽ có quyết định tuyển dụng nhưng phải đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng. Để bà B tin tưởng, C còn nói thêm "chị em với nhau, mà em

lừa chị à", nếu không xin được việc thì sẽ trả lại tiền, nên bà B đồng ý. Ngày 08/5/2015, bà B đến nhà giao cho C số tiền 200.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc, C viết biên bản thỏa thuận, cam kết đưa cho bà B cất giữ.

Sau khi nhận số tiền trên, C không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của bà B số tiền 200.000.000 đồng. Hiện C mới hoàn trả cho bà B số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại 50.000.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hợp 3: Thông qua mối quan hệ xã hội, chị Trần Thị P biết được Lê Thị Kim C có khả năng xin được việc làm nên đã điện thoại trao đổi nhờ xin việc làm, thì được C hẹn đến nhà. Ngày 03/6/2015, chị P cùng bố là ông Trần Hữu Thỉ đến nhà C để trao đổi nhờ xin việc làm, C nói dối là có suất vào dạy tiểu học tại thành phố H, chi phí là 130.000.000 đồng, đến tháng 09/2015 sẽ được tuyển dụng nhưng phải đặt cọc trước số tiền 60.000.000 đồng, thì ông T đồng ý. Ngày 07/6/2015, tại quán cà phê T trên đường N, ông T và chị P đã giao cho C số tiền 20.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. Ngày 09/6/2015, ông T đến nhà C để giao số tiền đặt cọc còn lại, nhưng do không có mặt ở nhà, nên C đã nhờ con dâu là chị Nguyễn Thị H nhận tiền giúp, chị H đã nhận số tiền 40.000.000 đồng và viết thông tin vào biên bản thỏa thuận, cam kết (do C soạn thảo và ký sẵn) nhận tổng số tiền 60.000.000 đồng, rồi đưa cho ông T cất giữ. Sau đó, chị H đã đưa lại cho C số tiền 40.000.000 đồng.

Sau khi nhận số tiền trên thì C không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của ông T số tiền 60.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

Trường hợp 4: Chị Nguyễn Thị D (con gái của bà Nguyễn Thị N) biết được Lê Thị Kim C có khả năng xin được việc làm, nên nhờ xin vào làm việc tại Bệnh viện X. Ngày 20/6/2015, bà N đi cùng chị D đến nhà gặp C để trao đổi xin việc làm, C nói dối là sẽ chạy được cho D vào làm việc tại Bệnh viện X, chi phí số tiền là 130.000.000 đồng, hẹn 03 tháng sau được tuyển dụng, nếu không được sẽ trả lại tiền nhưng phải đặt cọc trước số tiền 60.000.000 đồng. Tin lời nói của C là thật, nên chị N đã giao số tiền 30.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc cho C và C viết giấy nhận tiền cọc. Ngày 23/6/2015, mẹ con chị D đến nhà gặp C đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng. C viết biên bản thỏa thuận cam kết và số tiền cọc đã nhận tổng cộng 60.000.000 đồng, rồi đưa cho bà N cất giữ.

Sau khi nhận số tiền trên, C không xin việc như đã hứa rồi chiếm đoạt. Hiện C mới hoàn trả cho bà N số tiền 35.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hợp 5: Được bạn đồng nghiệp làm cùng nhau tại công ty đa cấp X ở thành phố H là bà Nguyễn Thị Ngọc M giới thiệu, nên Lê Thị Kim C đã đến gặp bà Vũ Thị M1 để vay mượn tiền. C dùng thủ đoạn gian dối nói với bà M1 là vay tiền để mua máy lọc nước phục vụ sinh hoạt, cần tiền để đặt cọc gấp cho người nhờ xin việc và hứa 03 tháng sau sẽ trả. Tin tưởng vào lời nói của C, nên

từ ngày 01/4/2015 đến ngày 10/11/2015, bà M1 đã cho C vay 04 lần, với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Sau đó, C đã chiếm đoạt để trả nợ cho người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngoài ra, biết bà M1 có con gái là Trần Thị Mỹ L chưa có việc làm, nên vào khoảng đầu tháng 08/2015, C hứa hẹn với bà M1 là sẽ chạy cho chị L vào làm văn thư của trường N, chỉ phí là 90.000.000 đồng và đến khoảng tháng 10/2015 sẽ được tuyển dụng, nếu không được sẽ trả lại tiền. C yêu cầu bà M1 đặt cọc trước số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 12/8/2015, bà M1 giao 40.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc thì C viết biên bản thỏa thuận cam kết và số tiền nhận cọc rồi đưa cho bà M1 cất giữ. Sau đó, C không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt.

Như vậy, tổng số tiền C chiếm đoạt của bà M1 là 130.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

Trường hợp 6: Nghe thông tin Lê Thị Kim C có khả năng xin vào học ngành Công an nên vào khoảng giữa tháng 8/2015, vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Hoàng Thị H đến nhà gặp C để nhờ xin cho con trai là Nguyễn Hoàng T đi học. C nói dối là có nhiều mối quan hệ quen biết, có thể chạy giúp xin vào học trường Trung cấp Công an tại tỉnh Quảng Nam và chi phí là 250.000.000 đồng, khoảng tháng 11/2015 sẽ có giấy báo nhập học, nếu không được thì trả lại tiền và C yêu cầu phải đặt cọc trước số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 27/8/2015, vợ chồng ông L đến nhà gặp C giao số tiền 120.000.000 đồng kèm hồ sơ (bản photocopy) và C viết biên bản thỏa thuận, cam kết rồi đưa cho ông L cất giữ. Tuy nhiên, C không xin cho anh T vào học trường Trung cấp Công an như đã hứa và chiếm đoạt số tiền cọc trên. C đã hoàn trả cho ông L số tiền 65.000.000 đồng, còn lại số tiền 55.000.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hợp 7: Vào khoảng tháng 8/2015, bà Nguyễn Thị L thông qua mối quan hệ xã hội biết được thông tin Lê Thị Kim C có khả năng xin được việc làm. Qua điện thoại, C nói dối với bà L là C có khả năng xin được việc làm và đã xin được cho nhiều người. Tin tưởng lời C nói, đầu tháng 9/2015, bà L đến nhà gặp C nhờ xin cho con gái Nguyễn Thị Bảo T đi dạy học. C đưa ra thông tin là có một suất vào dạy trường Trung học phổ thông N, thành phố H với số tiền là 220.000.000 đồng, đến tháng 01/2016 sẽ được tuyển dụng, nếu không được sẽ trả lại tiền và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 20/9/2015, bà L đến nhà giao cho C số tiền 100.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc, C đã nhờ con dâu là Nguyễn Thị H viết vào biên bản thỏa thuận, cam kết. Đến tháng 01/2016, C nói cho bà L biết là chị T sắp có quyết định tuyển dụng, nên yêu cầu bà L đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 24/01/2016, bà L đến nhà đưa tiếp cho C số tiền 20.000.000 đồng, C viết thêm vào mặt sau của biên bản thỏa thuận cam kết ngày 20/9/2015, rồi đưa cho bà L cất giữ. Tuy nhiên, thực tế thì C

không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của bà L số tiền cọc trên. Hiện C mới hoàn trả cho bà L số tiền 19.400.000 đồng, còn lại số tiền 100.600.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hợp 8: Do bà Trần Thị H biết Lê Thị Kim C có khả năng xin việc làm, nên tháng 8/2015, bà Lý Thị N nhờ bà H dẫn đến nhà C để nhờ xin việc làm cho con gái là Ngô Thị Thuý D. Đến tháng 09/2015, C điện thoại nói cho bà H biết là "ở Uỷ ban nhân dân thị xã H có 02 vị trí chuyên viên kinh tế và chuyên viên hành chính, hỏi cháu muốn làm ở vị trí nào", thì bà H báo lại cho bà N biết. Sau đó, bà N cùng với chị D và bà H đến nhà gặp C thì C nói sẽ xin cho chị D vào làm chuyên viên hành chính tại ủy ban nhân dân thị xã H, chi phí là 130.000.000 đồng, tiền cọc đặt trước là 50.000.000 đồng, đến tháng 11/2015 sẽ được tuyển dụng đi làm, nếu không được sẽ trả lại tiền. Ngày 26/9/2015, bà N đến giao tiền và hồ sơ xin việc, nhưng do không có mặt ở nhà nên C đã nhờ con dâu là Nguyễn Thị H nhận tiền cọc, hồ sơ xin việc và viết thông tin vào giấy biên bản thỏa thuận, cam kết có sẵn chữ ký và ghi họ tên Lê Thị Kim C đế giao cho bà N cất giữ. Sau đó, chị H đã đưa lại cho C số tiền 50.000.000 đồng cùng hồ sơ xin việc.

Đến tháng 5/2016, C điện thoại báo cho bà N biết là chị D sắp có quyết định tuyển dụng và yêu cầu bà N đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 25/5/2016, bà N cùng với bà H đến nhà giao cho C số tiền 30.000.000 đồng và C viết giấy thỏa thuận, cam kết đưa cho bà N cất giữ. Tuy nhiên, C không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của bà N số tiền 80.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

Trường hợp 9: Chị Đặng Thị Minh K có quen biết với Lê Thị Kim C. Do cần tiền để trả nợ cho người khác, nên C nói dối với chị K là cần tiền để đặt chỗ cho người nhờ xin việc và đề nghị chị K cho vay tiền. Tin vào lời nói của C là thật, nên vào khoảng cuối tháng 9/2015, chị K cho C vay số tiền 50.000.000 đồng và đầu tháng 10/2015, chị K tiếp tục cho C vay số tiền 67.000.000 đồng. C đã chiếm đoạt số tiền 117.000.000 đồng này của chị K để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hiện C mới hoàn trả cho chị K số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 67.000.000 đồng thì C chưa trả nhưng chị K không yêu cầu bồi thường.

Trường hợp 10: Thông qua giới thiệu của em dâu là chị Đặng Thị Minh K nên vào khoảng tháng 10/2015, vợ chồng bà Trần Thị Kim O và ông Hà Văn Q nhờ chị K dẫn đến nhà gặp Lê Thị Kim C xin việc làm cho con gái là Hà Thị Mỹ T. C nói dối là đang có 01 suất vào làm tại Đại học kinh tế Huế và 01 suất vào Đại học Nông lâm Huế, chi phí là 200.000.000 đồng và phải đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. C hứa đến tháng 12/2015 sẽ được tuyển dụng đi làm, nếu không được sẽ trả lại tiền. Tin lời nói của C nên vợ chồng ông Q nhờ C xin cho chị T vào làm việc tại Đại học kinh tế Huế. Ngày 29/10/2015, bà O, ông Q và

chị K đến quán cà phê T trên đường N, thành phố H để giao cho C số tiền 100.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. C viết biên bản thỏa thuận và cam kết đưa cho bà O cất giữ.

Sau đó, C không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của vợ chồng ông Q, bà O số tiền 100.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường số tiền này.

Trường hợp 11: Vào khoảng tháng 11/2015, do có nhu cầu xin việc làm và qua tìm hiểu thông tin của nhiều người, anh Nguyễn Hồng M đến nhà Lê Thị Kim C để nhờ xin việc làm. Qua trao đổi, C nói dối là mình có khả năng chạy xin việc làm và đưa ra thông tin "Sở giáo dục và đào tạo đang có chỉ tiêu", cam kết chạy xin cho anh M dạy học trường cấp 3 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và chi phí là 160.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền 80.000.000 đồng, đến tháng 4/2016 sẽ được tuyển dụng, nếu xin không được sẽ trả lại tiền. Tin tưởng lời nói của C là thật nên sau đó, anh M cùng với mẹ là bà Phạm Thị L đến nhà giao cho C 60.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. C viết biên bản thỏa thuận cam kết rồi giao cho anh M cất giữ. Ngày 27/02/2016, anh M đến nhà đưa cho C thêm số tiền cọc còn lại là 20.000.000 đồng. C nhận tiền và viết vào mặt sau của biên bản thỏa thuận cam kết trước đó, rồi đưa cho anh M cất giữ. Tuy nhiên, C đã không xin việc như đã hứa mà chiếm đoạt của anh M số tiền 80.000.000 đồng. Hiện C hoàn trả cho anh M số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 60.000.000 đồng, C chưa bồi thường.

Trường hợp 12: Vào khoảng đầu tháng 11/2015, anh Phạm Đức T nhờ anh Nguyễn Văn H dẫn đến nhà Lê Thị Kim C để xin việc làm. Qua trao đổi, C nói dối "sẽ chạy xin cho anh T được biên chế vào dạy lái xe tại Trường cao đẳng giao thông Huế", chi phí số tiền là 150.000.000 đồng. C yêu cầu đặt cọc trước số tiền 75.000.000 đồng và hứa đến tháng 01/2016 sẽ được tuyển dụng đi làm, nếu không được sẽ trả lại tiền. Ngày 20/11/2015, anh T cùng vợ là chị Lê Thị Kim A và mẹ vợ là bà Hoàng Thị P đến nhà gặp C giao số tiền 75.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc làm. C đọc nội dung cho chị Kim A viết, còn bà P ký vào biên bản thỏa thuận cam kết, rồi C đưa cho anh T cất giữ. Sau đó, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của vợ chồng anh T, chị Kim A số tiền 75.000.000 đồng.

Hiện C mới trả cho anh T 02 lần với số tiền là 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 55.000.000 đồng thì C chưa bồi thường.

Trường hợp 13: Tháng 11/2015, thông qua giới thiệu của anh Nguyễn Văn H nên ông Phan Đình Quốc T (là em rể của bà Trần Thị Đ) đã đến gặp Lê Thị Kim C để nhờ xin việc làm cho cháu là chị Đinh Thị Mỹ T (con gái bà Đ). Mấy ngày sau, C điện thoại cho ông T nói dối là tại Đài truyền hình VTV Huế có tuyển một suất tiếng Anh, chi phí là 200.000.000 đồng và phải đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng, đến quý 1/2016 sẽ được tuyển dụng. Sau khi nghe ông T nói lại thông tin thì bà Đ và chị T đồng ý đưa số tiền 100.000.000 đồng

cùng hồ sơ xin việc làm cho ông T để giao lại cho C. C đã nhận tiền cọc này và hồ sơ rồi viết biên bản thỏa thuận cam kết đưa cho ông T cất giữ. Tuy nhiên, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng.

Do thấy C không xin được việc làm cho chị T nên ông T đã đòi lại tiền, thì C có trả lại số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 85.000.000 đồng thì C chưa bồi thường cho bà Đ.

Trường hợp 14: Bà Phan Thị Thanh T biết thông tin Lê Thị Kim C có khả năng chạy xin việc làm nên nói lại cho bà Nguyễn Thị K biết. Vào tháng 11/2015, bà K nhờ bà T dẫn đến nhà gặp C để nhờ xin việc làm cho con trai là Nguyễn Ngọc N, C nói dối sẽ xin vào làm việc tại Bệnh viện X với chi phí là 250.000.000 đồng, đặt cọc trước 130.000.000 đồng, học việc trong vòng 06 tháng thì sẽ có quyết định tuyển dụng vào biên chế, nếu không xin được việc thì C sẽ trả lại tiền cho bà K. Ngày 07/12/2015, bà K cùng với bà T đến nhà giao cho C số tiền 130.000.000 đồng, C viết giấy nhận tiền và biên bản hợp đồng cam kết xin việc làm nhưng do nội dung của hợp đồng không đầy đủ nên bà trước 100.000.000 đồng, C cam kết 06 tháng có hợp đồng đi làm và trong vòng 01 năm sẽ có quyết định tuyển dụng biên chế. Ngày 27/12/2015, bà K cùng với chị L và bà T đến nhà giao cho C số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 24/01/2016, bà K đưa tiếp cho C số tiền 50.000.000 đồng. Các lần nhận tiền này C đều ký vào biên bản hợp đồng đã soạn sẵn của bà K.

Như vậy, Lê Thị Kim C đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Khuyên với tổng số tiền 230.000.000 đồng. Hiện C mới hoàn trả 63.000.000 đồng, còn lại số tiền 167.000.000 đồng C chưa bồi thường cho bà K.

Trường hợp 15: Qua thông tin ngoài xã hội, bà Nguyễn Thị L biết Lê Thị Kim C có khả năng chạy xin được việc làm cho nhiều người. Vào ngày 12/12/2015, bà L đến nhà gặp C nhờ xin việc làm cho con là Nguyễn Minh N. Qua trao đổi, C đưa ra thông tin là "tại Trường cao đẳng Công nghiệp Huế có một suất làm bộ phận công nghệ của trường" và chi phí xin việc là 140.000.000 đồng nhưng phải đặt cọc trước 70.000.000 đồng, đến quý 1 năm 2016 sẽ có quyết định, nếu không được sẽ trả lại tiền. Tin tưởng lời C nói, ngày 16/12/2015, bà L đến nhà giao cho C số tiền 70.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc, C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho bà L cất giữ. Tuy nhiên, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của bà L số tiền cọc này. Hiện C mới hoàn trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 60.000.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hợp 16: Ngày 17/12/2015, chị Trần Thị Phương T nhờ anh Phan Thanh T giới thiệu và dẫn đến nhà C để nhờ xin việc làm, C nói dối "hiện đang có chỉ tiêu ở Trường trung học T" và hứa sẽ xin cho chị T đi dạy tiếng Anh, hẹn 06 tháng sau sẽ được tuyển dụng và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 50.000.000 đồng, nếu không được sẽ trả lại tiền. Tin tưởng lời nói của C, chị T đồng ý giao

cho C số tiền 50.000.000 đồng, C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho chị T cất giữ.

Tháng 02/2016, chị T biết thông tin là Trường trung học T không tuyển giáo viên tiếng Anh, nên hỏi C thì C hứa hẹn xin cho chị T vào dạy Trường đại học sư phạm Huế nhưng phải thêm số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 18/3/2016, chị T đã giao cho C số tiền 20.000.000 đồng, C viết nhận thêm số tiền này vào biên bản thỏa thuận cam kết ngày 17/12/2015, rồi đưa cho chị T cất giữ. Đến ngày 05/4/2016, C yêu cầu chị T đưa tiếp số tiền 30.000.000 đồng để lo chi phí xin việc. Do bận công việc, nên chị T đã nhờ bạn là Hoàng Hoài A đến đưa thêm cho C số tiền 30.000.000 đồng, C viết giấy nhận tiền rồi đưa cho chị A cất giữ.

Như vậy, Lê Thị Kim C đã chiếm đoạt của chị T với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Hiện C đã hoàn trả lại cho chị T nên chị T có đơn bãi nại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Trường hợp 17: Nghe thông tin Lê Thị Kim C có khả năng xin được việc làm nên vào khoảng tháng 12/2015, anh Hoàng Văn Q tìm đến nhà C để nhờ xin việc. Qua trao đổi, C nói dối là có quen biết với người có chức vụ và hứa xin cho Q dạy thể chất ở trường cấp 3 tại huyện Q và chi phí là 140.000.000 đồng, tiền cọc đặt trước là 70.000.000 đồng. C hẹn đến tháng 03/2016 thì được tuyển dụng, nếu không được sẽ trả lại tiền. Khoảng một tuần sau, anh Q đến nhà giao cho C số tiền 40.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc và 02 ngày sau thì giao tiếp 30.000.000 đồng. C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho anh Q cất giữ.

Sau khi nhận số tiền trên, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của anh Q số tiền 70.000.000 đồng. Hiện C đã hoàn trả cho anh Q số tiền 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 30.000.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hợp 18: Ngày 21/12/2015, chị Hoàng Thị Quý L điện thoại nhờ C xin việc làm thì C cho biết: "Hiện chỉ còn một vị trí đang tuyển là nhân viên kế toán Bệnh viện Đại học Y dược Huế" và chi phí "chạy việc" là 200.000.000 đồng. C cam kết hết quý 1 năm 2016 sẽ có quyết định tuyển dụng, nếu không xin được sẽ trả lại tiền và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. Tin tưởng vào thông tin và hứa hẹn của C nên ngày 22/12/2015, chị L đến nhà giao cho C số tiền 100.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho chị L cất giữ.

Tuy nhiên, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của chị L số tiền 100.000.000 đồng. Hiện C đã hoàn trả cho chị L số tiền 30.000.000 đồng, còn lại số tiền 70.000.000 đồng C chưa bồi thường.

Trường hờp 19: Tháng 12/2015, thông qua mối quan hệ xã hội giới thiệu, ông Nguyễn Khánh H đến nhà gặp C để nhờ xin việc cho con là Nguyễn Thị Thanh H1. C đưa ra thông tin là "có suất chạy vào làm kế toán tại Bệnh viện X"

và chi phí là 200.000.000 đồng, khoảng 01 tháng sau sẽ đi thử việc và 06 tháng sau thì có quyết định tuyển dụng, nếu không được thì sẽ trả lại tiền, đồng thời C yêu cầu đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 02/01/2016, ông H đến nhà giao cho C số tiền 100.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho ông H cất giữ. Tuy nhiên, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của ông H số tiền 100.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

Trường hợp 20: Sau khi nghe bà Mai Nguyễn Minh T (là giáo viên dạy kèm cho con của C) cho biết Lê Thị Kim C có khả năng chạy xin việc làm, nên sáng ngày 07/01/2016, chị Võ Thị H cùng chồng là anh Võ Minh T nhờ bà T dẫn đến nhà gặp C để nhờ xin việc làm cho mình. Qua trao đổi, C cho biết mình có khả năng chạy xin việc và đưa ra thông tin "hiện đang có một suất dạy Toán ở trường Trung học phổ thông C", chi phí là 200.000.000 đồng. C cam kết 02 tháng sau sẽ có quyết định tuyển dụng đi dạy học, nếu không xin được sẽ trả lại tiền và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. Do cần việc làm và tin vào lời nói của C nên tối cùng ngày, vợ chồng chị H, anh T đến nhà giao cho C số tiền 100.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho chị H cất giữ.

Đến ngày 23/02/2016, C gọi điện thoại nói cho chị H biết là "đã có quyết định rồi" và đề nghị giao thêm số tiền 100.000.000 đồng còn lại. Tin tưởng C nên từ ngày 24/02/2016 đến ngày 17/3/2016, vợ chồng chị H, anh T đến nhà giao đủ tiền cho C 03 lần. Các lần nhận tiền, C đều viết tiếp vào biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho chị H cất giữ. Tuy nhiên, C không xỉn việc và cũng không có quyết định tuyển dụng như C nói mà chiếm đoạt của vợ chồng chị H, anh T với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

Trường hợp 21: Nghe thông tin ngoài xã hội nói Lê Thị Kim C có khả năng "chạy việc làm" nên vào khoảng tháng 01/2016, ông Nguyễn Quang N đến nhà gặp C để nhờ xin việc làm cho con là Nguyễn Quang Hoàng V. Qua trao đổi, C đưa ra thông tin giả là có thể chạy giúp xin đi dạy các trường cấp 3 tại thành phố H, chi phí là 160.000.000 đồng và đến tháng 03/2016 sẽ có quyết định tuyển dụng, nếu không xin được sẽ trả lại tiền nhưng phải đặt cọc trước số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 12/01/2016, ông N đến nhà giao cho C số tiền 80.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc, C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho ông N cất giữ.

Sau đó, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của ông N số tiền 80.000.000 đồng. Hiện C mới hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng, còn lại số tiền 60.000.000 đồng, C chưa bồi thường cho ông N.

Trường hợp 22: Tháng 01/2016, ông Nguyễn D đến nhờ ông Phan Công T dẫn đến giới thiệu gặp người có khả năng xin được việc làm cho con là Nguyễn Thái H đi dạy học. Ông T đã điện thoại cho Lê Thị Kim C hỏi C có giúp được không thì C hứa xin được và cho biết chi phí là 140.000.000 đồng. Ông T nói lại cho ông D thì ông D đồng ý. Ngày hôm sau, C đưa bộ hồ sơ xin việc và yêu cầu ông T nhận tiền đặt cọc. Ông D giao cho ông T số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng, ông T viết giấy nhận tiền đặt cọc, rồi đưa cho ông D cất giữ.

Đến ngày 25/01/2016, sau khi làm xong hồ sơ thì ông T dẫn ông D đến nhà C để trao đổi. Ông D có nguyện vọng cho con được dạy gần nhà nên C hứa "sẽ giúp chạy xin cho anh H vào dạy thể dục một trường cấp 3 tại H hoặc Q", chi phí là 140.000.000 đồng nhưng phải đặt cọc trước số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại thì đưa sau khi có quyết định tuyển dụng. C hẹn tháng 4/2016 sẽ có quyết định tuyển dụng đi dạy và cam kết nếu không được sẽ trả lại tiền. Tin lời C nói, ông D đã giao cho C số tiền 70.000.000 đồng và C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho ông D cất giữ. Ông T đã nói cho C biết là trước đó có nhận của ông D số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng theo yêu cầu của C. Tuy nhiên, C đã chiếm đoạt của ông D số tiền này và không xin việc như đã hứa. Hiện C mới hoàn trả cho ông D số tiền 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 65.000.000 đồng C chưa bồi thường. Sau khi biết Lê Thị Kim C có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản, nên ông T đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho ông D.

Trường hợp 23: Tháng 03/2016, chị Hồ Thị Ngọc T nhờ ông Phan Công T giới thiệu với Lê Thị Kim C để nhờ xin việc làm. Ông T điện thoại hỏi C là "có trường hợp muốn chạy xin vào dạy tiểu học tại thành phố H, có giúp được không?" thì C nói là "xin được", chi phí chạy xin việc là 130.000.000 đồng, đặt cọc trước số tiền 75.000.000 đồng và nhờ ông T nhận giúp. Ngày 17/3/2016, chị T đưa cho ông T hồ sơ xin việc làm và số tiền 20.000.000 đồng, ông T nhận và viết giấy nhận tiền đặt cọc, Ngày 22/03/2016, chị T và ông Hồ Đăng V (bố chị T) nhờ ông T dẫn đến gặp C tại quán cà phê cây Si ở đường Lê Lợi, thành phố H. Qua trao đổi, C hứa xin cho chị T đi dạy tiểu học tại thành phố H và hẹn đến tháng 08/2016 sẽ được tuyển dụng đi dạy, nếu không được sẽ trả lại tiền. Tin lời nói của C, nên chị T giao cho C số tiền 55.000.000 đồng và ông T đưa lại số tiền 20.000.000 đồng đã nhận kèm hồ sơ xin việc. C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho chị T cất giữ. Sau đó, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của chị T số tiền 75.000.000 đồng. Hiện C đã hoàn trả lại số tiền 75.000.000 đồng cho chị T.

Trường hợp 24: Tháng 03/2016, Lê Thị Kim C thông tin cho ông Phan Công T biết là có 02 chỉ tiêu điều dưỡng và xét nghiệm vào Bệnh viện X (cơ sở 2) và nhờ ông T xem ai có nhu cầu xin việc làm thì giới thiệu cho C. Ngày 26/3/2016, ông T dẫn chị Đàm Thị L đến nhà gặp C, C hứa hẹn sẽ xin cho chị L vào biên chế Bệnh viện X (cơ sở 2), chi phí chạy việc là 150.000.000 đồng, nếu không được sẽ trả lại tiền và yêu cầu chị L phải đặt cọc trước số tiền 80.000.000 đồng. Tin lời C nói, nhưng do chỉ mang theo số tiền 60.000.000 đồng nên chị L hẹn vài ngày sau sẽ gửi tiếp số tiền 20.000.000 đồng. C đồng ý nhận số tiền 60.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc và viết biên bản cam kết nhận số tiền cọc là 80.000.000 đồng, rồi đưa cho chị L cất giữ. Sau đó, chị L đã gửi tiếp số tiền 20.000.000 đồng nhờ ông T đưa cho C và ông T đã chuyển số tiền này lại cho C. Tuy nhiên, C không xin việc như đã hứa và chiếm đoạt của chị L số tiền 80.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

Trường hợp 25: Thông qua mối quan hệ đồng hương thân quen, tháng 03/2016, ông Đàm Văn H đến nhờ ông Phan Công T giới thiệu gặp Lê Thị Kim C để xin việc làm cho con là Đàm Thị Mỹ H. Ngày 10/4/2018, chị H nhờ ông T dẫn đến gặp C. Qua trao đổi, C hứa xin cho chị H vào biên chế Bệnh viện X (cơ sở 2) với chi phí số tiền là 160.000.000 đồng và cam kết không được sẽ trả lại tiền, đồng thời yêu cầu chị H phải đặt cọc trước số tiền 80.000.000 đồng. Tin lời C nói, chị H đã giao số tiền 80.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc cho C, C viết biên bản thỏa thuận cam kết, rồi đưa cho chị H cất giữ.

Đến khoảng tháng 05/2016, C yêu cầu đưa thêm tiền, nên ông T thông báo lại cho ông H biết thì ông H đã đưa cho ông T số tiền 20.000.000 đồng để chuyển lại cho C. Sau khi nhận tiền thì ông T đã nói lại cho C biết. Cũng tại thời điểm này, ông T thấy có nhiều người đến nhà C để đòi trả lại tiền, nghi ngờ C không có khả năng xin việc, nên ông T đã không đưa số tiền 20.000.000 đồng cho C mà trả lại cho ông H.

Như vậy, C đã chiếm đoạt của chị H số tiền 80.000.000 đồng và nay chưa bồi thường.

Trường hợp 26: Vào khoảng đầu tháng 04/2016, chị Ngô Thị Minh M nghe nói Lê Thị Kim C có thể chạy xin việc làm được nên đã tìm đến nhờ C giúp đỡ. Qua trao đổi, C hứa xin cho chị M đi dạy môn Hóa học ở trường cấp 2 tại thành phố H, chi phí số tiền 150.000.000 đồng. C hẹn đến tháng 7/2016 sẽ được tuyển dụng, nếu không xin được sẽ trả lại tiền và yêu cầu chị M đặt cọc trước số tiền 75.000.000 đồng, nhưng chị M chưa quyết định. Ngày hôm sau, C

điện thoại nói cho chị M biết là "hiện trên địa bàn thành phố Huế còn một chỉ tiêu, nếu có xin việc cần quyết định sớm". Tin lời C nói, ngày 02/4/2016, chị M cùng với bạn là chị Nguyễn Thị Thu H đến nhà giao cho C số tiền 15.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc, C ký và ghi họ tên vào giấy nhận tiền cọc, rồi đưa cho chị M cất giữ. Khoảng 01 tuần sau, biết thông tin là C gian dối để chiếm đoạt tiền, nên chị M không giao số tiền cọc còn lại và yêu cầu C trả lại tiền thì C chỉ trả cho chị M được số tiền 5.000.000 đồng. Hiện còn lại số tiền 10.000.000 đồng C chưa trả nhưng chị M không yêu cầu C phải bồi thường.

Trường hợp 27: Qua thông tin Lê Thị Kim C có khả năng chạy xin việc cho người khác, nên vào khoảng tháng 4/2016, anh Lê Văn T đến nhà C để nhờ xin việc làm. Qua trao đổi, C nói cho anh T biết "có một suất chạy vào làm tại Bệnh viện X hoặc Bệnh viện Quốc tế", với chi phí số tiền 200.000.000 đồng. C nói đến quý 3 năm 2016 sẽ được tuyển dụng, nếu không xin được sẽ trả lại tiền và yêu cầu đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng. Tin tưởng C nên anh T đồng ý và giao cho C số tiền 20.000.000 đồng kèm hồ sơ xin việc. Ngày 27/4/2016, anh T cùng với bạn là anh Lê Bá Thương đến nhà C giao tiếp số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 19/5/2016, anh T tiếp tục giao thêm số tiền 30.000.000 đồng cho C. Các lần anh T giao tiền, C đều viết giấy nhận tiền và biên bản hợp đồng xin việc làm, rồi đưa cho anh T cất giữ.

Mặc dù đã nhận tiền cọc và cam kết như vậy nhưng C đã không xin việc cho anh T mà chiếm đoạt luôn số tiền cọc 100.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường cho anh T số tiền này.

Sau khi gây án xong, Lê Thị Kim C bỏ trốn xuất cảnh sang Mỹ, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định truy nã số 03/PC44 ngày 27/3/2017. Đến ngày 13/3/2018, Lê Thị Kim C bị bắt tại cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình điều tra, Lê Thị Kim C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận số tiền chiếm đoạt của 27 người nêu trên là để trả nợ vay, trả lại tiền cho những người không xin được việc làm, sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân và có đưa tiền kèm hồ sơ xin việc cho bà Lê Trương Quỳnh T, ông Trần Văn H và bà Lê Thị Bạch N để nhờ xin việc làm. Tuy nhiên, C không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu có liên quan để chứng minh và những người này cũng không thừa nhận việc nhận tiền, hồ sơ xin việc làm từ C. Do vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở để kết luận về lời khai của Lê Thị Kim C.

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 28/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định*:**

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim C phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim C 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/3/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; thi hành án theo quy định của pháp luật; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/4/2019, bị cáo Lê Thị Kim C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/4/2019, người bị hại bà Nguyễn Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đã nhận số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 12/4/2019, người bị hại bà Phạm Thị B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đã nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát cho rằng; dù rằng sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục thêm 110 triệu đồng cho bà B và bà L nhưng so với hậu quả của vụ án là rất lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tội phạm: Bị cáo Lê Thị Kim C đã đưa ra thông tin giả, mạo nhận bản thân có khả năng xin được việc làm để tạo sự tin tưởng với nhiều người bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Bằng phương thức, thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 4/2016, bị cáo C đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của 27 người bị hại với tổng số tiền 2.702.000.000đ nên đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản có giá trị 500 triệu đồng trở lên" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày

30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 xét xử bị cáo về tội danh, khung hình phạt tương ứng là đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và các bị hại Nguyễn Thị L, Phạm Thị B thì thấy rằng:

Bị cáo Lê Thị Kim C phạm tội thuộc khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, quy định khung hình phạt từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân, thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng, giá trị tài sản chiếm đoạt 2.702.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện khách quan vụ án xử bị cáo Lê Thị Kim C 13 năm tù là đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay phát sinh tình tiết mới bị cáo đã bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị L 60.000.000 đồng và người bị hại bà Phạm Thị B 50.000.000 đồng, tính đến nay bị cáo cùng gia đình đã bán nhà khắc phục gần 1 tỉ đồng cũng là cố gắng lớn. Vì vậy, cấp phúc thẩm cũng cần xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và các bị hại giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3]. Về dân sự: Bị cáo Lê Thị Kim C đã bồi xong cho bị hại bà Nguyễn Thị L 60.000.000 đồng và bà Phạm Thị B 50.000.000 đồng, nên cần điều chỉnh lại mức án phí sơ thẩm cho đúng pháp luật.

[4]. Trong vụ án này giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" là có thiếu sót; do giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm không làm xấu hơn tình trạng ban đầu nên thiếu sót nêu trên của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5]. Đối với việc không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" đối với bị cáo đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm, tránh để xảy ra sai sót tương tự.

[6]. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo đã bồi thường đủ cho người bị hại bà Nguyễn Thị L và bà Phạm Thị B nên cần điều chỉnh lại phần án phí dân sự dân sự sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối bị cáo Lê Thị Kim C.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Kim C 12 (mười hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/3/2018.

2. Về dân sự: Bị cáo Lê Thị Kim C đã bồi xong cho người bị hại bà Nguyễn Thị L 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và người bị hại bà Phạm Thị B 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đối với phần trách nhiệm dân sự còn lại của các bị hại khác, bị cáo Lê Thị Kim C phải tiếp tục bồi thường cho họ như Bản án sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Bị cáo Lê Thị Kim C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 63.078.000 đồng (Sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi tám nghìn).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn